

Số: 1117/QĐ-UBND

Đoàn Kết, ngày 07 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án sử dụng nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐOÀN KẾT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ các Công văn của Bộ Tài chính: Số 4176/BTC-KBNN ngày 03 tháng 4 năm 2026 về hướng dẫn chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang 2026; số 7209/BTC-NSNN ngày 29 tháng 5 năm 2026 về quản lý, sử dụng nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại của NSDP và nguồn các địa phương được thưởng vượt dự toán thu, đầu tư trở lại năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân phường Đoàn Kết: Số 333/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2026 về chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026; số 446/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 về điều chỉnh Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 về chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 109-TB/VPĐU ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng Đảng ủy phường Đoàn Kết về thông báo kết luận của Thường trực Đảng ủy tại cuộc họp ngày 26/8/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 2447/TTr-KTHTĐT ngày 05 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án sử dụng nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 cụ thể như sau:

I. Tổng số kinh phí tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 là: 15.913.693.390 đồng, bao gồm:

1. Nguồn tăng thu ngân sách năm 2025: 1.013.307.706 đồng

Trích 70% nguồn tăng thu để thực hiện chính sách tiền lương: 709.315.394 đồng. Trích 30% nguồn tăng thu thực hiện các nhiệm vụ theo khoản 2, 3 Điều 61 Luật Ngân sách Nhà nước: 303.992.312 đồng.

2. Nguồn dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã năm 2025: 14.900.385.684 đồng, bao gồm:

2.1. Nguồn ngân sách năm 2024 chuyển sang: 121.765.970 đồng

- Quỹ lương cán bộ chuyên trách năm 2025: 85.805.400 đồng.
- Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương của CBCC: 35.960.570 đồng.

2.2. Nguồn cân đối ngân sách năm 2025: 13.229.507.286 đồng

- Nguồn ngân sách các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn trả ngân sách phường năm 2025: 10.530.025.554 đồng.
- Dự dự toán nguồn cân đối ngân sách địa phương chưa phân bổ chi tiết năm 2025: 2.699.481.732 đồng.

2.3. Nguồn dự phòng ngân sách: 1.509.112.428 đồng

- Nguồn dự phòng năm 2024 chuyển sang năm 2025: 1.107.701.428 đồng.
- Nguồn dự phòng ngân sách năm 2025: 401.411.000 đồng.

2.4. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Dự án 1: Giải quyết tình trạng đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (nội dung 1: Hỗ trợ đất ở): 40.000.000 đồng

II. Phương án sử dụng nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp xã năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026: 15.913.693.390 đồng.

1. Nguyên tắc sử dụng

Đảm bảo theo đúng các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025, nguyên tắc sử dụng theo các thứ tự ưu tiên như sau:

- Bổ sung nguồn lực thực hiện chính sách tiền lương;
- Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội;
- Bổ sung tăng dự phòng ngân sách trong phạm vi Luật Ngân sách Nhà nước quy định;

- Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng;
- Phân bổ cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn.

2. Phương án sử dụng: 15.913.693.390 đồng

2.1. Nguồn tăng thu ngân sách năm 2025: 1.013.307.706 đồng.

Trích 70% nguồn tăng thu để thực hiện cải cách tiền lương: 709.315.394 đồng; Trích 30% nguồn tăng thu sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ theo khoản 2, 3 Điều 61 Luật Ngân sách Nhà nước: 303.992.312 đồng.

2.2. Nguồn dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã năm 2025: 14.900.385.684 đồng, bao gồm:

2.2.1. Nguồn ngân sách năm 2024 chuyển sang: Sử dụng để thực hiện chính sách tiền lương: 121.765.970 đồng.

2.2.2 Nguồn cân đối ngân sách năm 2025: 13.229.507.286 đồng

a) Nguồn ngân sách do các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn trả ngân sách phường năm 2025 chuyển sang năm 2026: 10.530.025.554 đồng.

- Hoàn trả ngân sách tỉnh: 150.000.000 đồng (bao gồm: Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn (đã bao gồm kinh phí đối ứng thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững)).

- Thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội: 483.162.454 đồng.

- Thực hiện tăng chi một số dự án quan trọng: 7.250.000.000 đồng.

- Kinh phí còn lại: 2.646.863.100 đồng (thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025).

b) Dự dự toán nguồn cân đối ngân sách địa phương chưa phân bổ chi tiết năm 2025 chuyển sang năm 2026: 2.699.481.732 đồng (Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025).

2.3. Nguồn dự phòng ngân sách năm 2025 chuyển sang: 1.509.112.428 đồng

Để chủ động đảm bảo nguồn thực hiện các nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025

2.4. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Hoàn trả ngân sách tỉnh (Dự án 1: Giải quyết tình trạng đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở)): 40.000.000 đồng.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND phường triển khai Phương án sử dụng tăng thu ngân sách so với dự toán, dự toán chi còn lại năm 2025 chuyển sang năm 2026; phân bổ, giao dự toán đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định. Ngoài các nhiệm vụ đã có phương án sử dụng cụ thể tại Quyết định này và dự phòng ngân sách thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025, các nội dung còn lại khi có nhiệm vụ phát sinh tham mưu cho UBND phường báo cáo xin chủ trương của Thường trực Đảng ủy trước khi thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- KBNN khu vực IX - Phòng Nghiệp vụ 2;
- Lưu: VT, KTHTĐT.

} (b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Đại Thắng